

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 35 /2024/DS – ST

Ngày: 21-3-2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bận, ông Nguyễn Lập Tiến.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:
Bà H Mi Chan Niê – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 03 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 470/2023/TLST-DS ngày 05/10/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-DS ngày 16/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2024/QĐST-DS ngày 06/03/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang D. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Địa chỉ trụ sở: Số 198 T, phường L, Quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Nam P. Chức vụ: Phó Trưởng phòng Khách hàng bán lẻ - Ngân hàng Thương mại Cổ phần N Chi nhánh Đắk Lắk. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 06 Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 169 G, tổ dân phố 3, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án đại diện Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, bà Nguyễn Thị Nam Phương trình bày:

Khách hàng là ông Nguyễn Ngọc L có quan hệ tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần N – Chi nhánh Đắk Lắk từ năm 2019 đến nay.

Ngày 31/08/2019, ông Nguyễn Ngọc L có đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank Amex cobrand gold Vna (số tài khoản thẻ: AV0230000262) tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N- Chi nhánh Đắk Lắk theo Hợp đồng thẻ tín dụng số 023.TDCN.19.810221BL ngày 29 tháng 08 năm 2019 với hạn mức thẻ: 50.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng), mục đích phát hành: Tiêu dùng. Khách hàng Nguyễn Ngọc L phát hành thẻ theo hình thức tín chấp dành cho cá nhân đang công tác tại các tổ chức, doanh nghiệp, định chế tài chính khác.

Từ ngày phát hành thẻ đến ngày 20/02/2023, ông Nguyễn Ngọc L đã thực hiện đúng cam kết trong Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank. Đến ngày 21/3/2023, ông Lâm bắt đầu vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn 21/02/2023, Ngân Hàng đã gửi văn bản yêu cầu ông Nguyễn Ngọc L thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, ông Nguyễn Ngọc L vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi, phí cho Ngân hàng, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã cam kết với Ngân hàng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, gây khó khăn lớn cho quá trình xử lý, thu hồi nợ xấu của Ngân hàng.

Tính đến hết ngày 20/03/2024, tổng nợ phải trả của ông Nguyễn Ngọc L theo hợp đồng thẻ tín dụng số 023.TDCN.19.810221BL ngày 29 tháng 08 năm 2019 là: 73.406.511 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi ba triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn năm trăm mười một đồng) trong đó:

- Nợ gốc là: 49.490.857 đồng.
- Nợ lãi là: 9.283.879 đồng
- Phí vượt hạn mức và Phí chậm thanh toán thẻ: 14.131.775 đồng

Do Bị đơn vắng mặt nên Nguyên đơn yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết. Tại Kết luận giám định số 80/KL-KTHS, ngày 22/01/2024, kết luận: “Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Ngọc L trên tài liệu cần giám định kí hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Ngọc L trên tài liệu mẫu so sánh ký kiệu M1, **do cùng một người ký và viết ra**”.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến như sau:

- **Về tố tụng:** Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành theo đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- **Về nội dung:** Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ các Điều 26 Luật TTDS; Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự 2015;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Buộc ông Nguyễn Ngọc L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, số tiền **73.406.511 đồng** (Bằng chữ: Bảy mươi ba triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn năm trăm mười một đồng) trong đó: Nợ gốc là: 49.490.857 đồng; Nợ lãi là: 9.283.879 đồng; Phí vượt hạn mức và Phí chậm thanh toán thẻ: 14.131.775 đồng và lãi phát sinh tính từ ngày 22/3/2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng.

Bị đơn phải chịu tiền án phí và chi phí giám định theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn cư trú tại Số 169 G, tổ dân phố 3, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Ngọc L là phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Ngọc L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng, số tiền số tiền **73.406.511 đồng** (Bằng chữ: Bảy mươi ba triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn năm trăm mười một đồng) trong đó: Nợ gốc là: 49.490.857 đồng; Nợ lãi là: 9.283.879 đồng; Phí vượt hạn mức và Phí chậm thanh toán thẻ: 14.131.775 đồng và lãi phát sinh tính từ ngày 22/3/2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng và cung cấp tài liệu chứng cứ là giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; các phụ lục có nội dung bên cho vay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đồng ý cấp hạn mức tín dụng cho ông Nguyễn Ngọc L vay số tiền 50.000.000đ; Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ncó hiệu lực từ 29/8/2019 và các bảng tóm tắt sao kê.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Ngọc L vắng mặt không có lý do, do đó Nguyên đơn đã có đơn đề nghị giám định chữ ký, chữ viết; Kết luận giám định số số 80/KL-KTHS, ngày 22/01/2024, kết luận: “Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Ngọc L trên tài liệu cần giám định kí hiệu A1 so với chữ ký,

chữ viết mang tên Nguyễn Ngọc L trên tài liệu mẫu so sánh ký kiểu M1, **do cùng một người ký và viết ra**”.

Nguyên đơn cho rằng từ bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 21/3/2023, do đó cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền số tiền số tiền **73.406.511 đồng** (Bằng chữ: Bảy mươi ba triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn năm trăm mười một đồng) trong đó: Nợ gốc là: 49.490.857 đồng; Nợ lãi là: 9.283.879 đồng; Phí vượt hạn mức và Phí chậm thanh toán thẻ: 14.131.775 đồng và lãi phát sinh tính từ ngày 22/3/2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp cần chấp nhận.

[4]. Về án phí và các chi phí tố tụng khác:

- Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 5.400.000đ; Do kết quả giám định chứng minh yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên bị đơn ông Nguyễn Ngọc L phải chịu chi phí giám định là 5.400.000đ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nđược nhận lại số tiền trên sau khi thu được của ông Huy là phù hợp quy định tại Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn cụ thể: 73.406.511 đồng x 5% = 3.670.326 đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nkhông phải chịu án phí DSST, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] - Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 161, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

- Căn cứ Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[2] **Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần N.

Buộc ông Nguyễn Ngọc L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số tiền nợ gốc là **73.406.511 đồng** (Bằng chữ: Bảy mươi ba triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn năm trăm mười một đồng) trong đó: Nợ gốc là: 49.490.857 đồng; Nợ lãi là: 9.283.879 đồng; Phí vượt hạn mức và Phí chậm thanh toán thẻ: 14.131.775 đồng và lãi phát sinh tính từ ngày 21/3/2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức thỏa thuận

trong hợp đồng (Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N có hiệu lực từ 29/8/2019).

[3] Về án phí và chi phí giám định:

- Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Ông Nguyễn Ngọc L phải chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 5.400.000đ (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng), Ngân hàng Thương mại Cổ phần N không phải chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết và được nhận lại số tiền 5.400.000đ (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng) tạm ứng chi phí đã nộp sau khi thu được của ông Nguyễn Ngọc L.

- Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc L phải chịu: 3.670.326đ (Ba triệu sáu trăm bảy mươi nghìn ba trăm hai mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần N không phải chịu án phí DSST, được nhận lại 1.405.713đ (Một triệu bốn trăm lẻ năm nghìn bảy trăm mười ba đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2022/0004490 ngày 20/9/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh, Tp. BMT;
- THADS Tp. BMT;
- Đương sự.
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Loan